

Bản án số 258/2022/DS-PT

Ngày 30/8/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Hà;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Hùng;

Ông Ngô Tự Học.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hải, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số 28/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất lâm nghiệp”, do có kháng cáo của nguyên đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 7248/2022/QĐ-PT ngày 06 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự sau:

* **Nguyên đơn:** Ông Hà Mạnh H (Hà Xuân H), sinh năm 1961; địa chỉ: khu Trung tâm II, xã Thu C, huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Đức H1 - Văn phòng luật sư Hùng V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Phú Thọ; có mặt.

* **Bị đơn:** Anh Hà Văn Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: khu Trung Tâm II, xã Thu C, huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Hoàng Thị H2, sinh năm 1963; có mặt.

2. Anh Hà Tiến M, sinh năm 1988; có mặt.

3. Anh Hà Văn C1, sinh năm 1990; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: khu Trung Tâm II, xã Thu C, huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H2, anh M, anh C1: Ông Hà Mạnh H (Hà Xuân H), sinh năm 1961, địa chỉ: khu Trung Tâm II, xã Thu C, huyện

Tân S, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

4. Chị Hoàng Thị Ch, sinh năm 1979; vắng mặt.

5. Ông Hà Văn Nh, sinh năm 1949; vắng mặt.

6. Bà Hoàng Thị Q, sinh năm 1956; vắng mặt.

7. Anh Hà Quốc T, sinh năm 1980; có mặt.

Cùng địa chỉ: khu Trung Tâm II, xã Thu C, huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ.

8. Chị Hà Thị M1, sinh năm 1983; địa chỉ: xã Lai Đồng, huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Ch, ông Nh, bà Q, anh T, chị M1: Anh Hà Văn Đ, sinh năm 1978; địa chỉ: khu Trung Tâm II, xã Thu C, huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ; có mặt.

9. Ủy ban nhân dân huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ; *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Văn H3, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên Môi trường huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

10. Ủy ban nhân dân xã Thu C, huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ; *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Đinh Minh Ch1, chức vụ: Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

11. Hạt kiểm lâm huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ; địa chỉ: xã Tân Phú, huyện Tân S, tỉnh Phú Thọ; *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Nguyễn Anh T1, chức vụ: Hạt trưởng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2021 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Hà Mạnh H trình bày:*

Về nguồn gốc sử dụng đất: Thực hiện chủ trương, chính sách về giao đất lâm nghiệp, ngày 26/4/1995 ông H làm đơn xin nhận 4,5ha đất tại đồi Suối Bông; Ủy ban nhân dân (UBND) xã Thu Cúc lập hồ sơ, sau đó, ông được UBND huyện Thanh Sơn, tỉnh Vĩnh Phú (nay là huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ) quyết định giao cho thửa đất trên để kinh doanh lâm nghiệp. Ngày 30/7/1996, UBND huyện Thanh Sơn đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số I 393873, thửa đất số 40; tờ bản đồ số F48.102, diện tích 4,5ha cho hộ ông H tại đồi Suối Bông, xóm Giác (nay là khu Trung Tâm 2), xã Thu Cúc, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ, mục đích: Nuôi trồng rừng.

Quá trình sử dụng đất và phát sinh tranh chấp: Thời điểm ông H nhận đất, cán bộ địa chính là ông Đoàn Viết Tiên và một số thành viên khác đã giao đất tại thực địa nhưng không đo đạc, cắm mốc giới mà chỉ giao theo bản đồ. Khi đó, giáp ranh với thửa đất ông được giao có hộ ông Nh bà Q (là bố mẹ của anh Hà Văn Đ) trồng lúa, màu và làm trại ở chân đồi.

Sau khi được giao đất, hộ ông H trồng cây Keo, Bồ đề với diện tích khoảng 2ha. Hộ ông Nh vẫn trồng Lúa và ở trại tại đó, đến năm 1997, hộ ông Nh phát dọn thực bì vào diện tích đất ông chưa làm để trồng cây liên doanh với Lâm trường Tam Sơn (nay là Công ty lâm nghiệp Tam Sơn). Ông H đã thông báo với ông Nh là phần đất này ông đã được giao quyền sử dụng đất, đồng thời yêu cầu ông Nh trả lại đất nhưng ông Nh không trả mà tiếp tục liên doanh từ năm 1997-2004. Sau khi gia đình ông Nh thu hoạch cây trồng liên doanh với Lâm trường, ông đã làm đơn đề nghị UBND xã Thu Cúc giải quyết, yêu cầu ông Nh trả lại đất cho ông nhưng UBND xã Thu Cúc chỉ hòa giải. Gia đình ông Nh tiếp tục liên doanh với Lâm trường Tam Sơn từ 2005-2012. Kết thúc liên doanh, hộ ông Nh trồng sắn, năm 2013, gia đình ông Nh thu hoạch, hộ ông Nh đã trồng cây Keo và Bồ đề vào phần đất trên. Hộ ông Nh làm đơn đề nghị UBND xã Thu Cúc giải quyết, UBND xã Thu Cúc đã yêu cầu các bên giữ nguyên hiện trạng nhưng sau đó, không giải quyết nữa. Năm 2018, anh Đ đã khai thác toàn bộ cây Keo, Bồ đề trồng và tiếp tục trồng cây Keo, Bồ đề. Hiện phần đất đang có tranh chấp ông Nh đã giao lại cho anh Hà Văn Đ quản lý và sử dụng.

Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình, ông H yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc hộ anh Hà Văn Đ phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình ông cụ thể là 2ha (20.000m²).
- Tài sản trên đất, đề nghị hộ ông Đ thu hoạch cây cối trả lại đất cho ông.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Hà Văn Đ trình bày:*

Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Từ khoảng năm 1983, bố mẹ anh đã làm lán trại, canh tác hoa màu, cây lâm nghiệp tại khu vực đồi Suối Bông thuộc khu Giác, xã Thu Cúc. Năm 2011, bố mẹ anh già yếu đã giao lại toàn bộ cho vợ chồng anh. Trước những năm 1997, bố mẹ anh trồng cây bản địa, lúa nương, sắn. Từ năm 1997 đến năm 2012, bố mẹ anh liên doanh trồng cây Keo với Công ty lâm nghiệp Tam Sơn đã khai thác được 02 chu kỳ trên phần diện tích khoảng hơn 1ha, phần còn lại gia đình anh chăm sóc cây bản địa, trồng Cọ, Vầu và trồng lúa, màu.

Về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Trong thời gian sử dụng đất, gia đình anh không biết chủ chương giao đất lâm nghiệp cho người dân tại địa phương. Không thấy có tổ chức, cá nhân nào đến đo đạc, kiểm tra phần diện tích đất mà gia đình anh đang sử dụng và các khu vực xung quanh. Gia đình anh không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy tờ gì về đất đối với thửa đất này. Đồng thời, bố mẹ anh, bản thân anh đều làm nông nghiệp tại địa phương cũng chưa được giao diện tích đất lâm nghiệp nào.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn: Anh Đ không đồng ý trả lại đất cho nguyên đơn. Nếu thửa đất trên thuộc quyền sử dụng đất mà UBND huyện Thanh Sơn đã giao cho ông H, thì việc giao đất là không đúng; đã giao đất cho ông H

vào phần đất mà gia đình anh đang sử dụng. Nay anh đề nghị Tòa án huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông H đã cấp chồng lấn sang phần đất của gia đình anh.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- *Đại diện cơ quan quản lý đất đai tại địa phương gồm UBND huyện Tân Sơn và UBND xã Thu Cúc đều trình bày:* Hồ sơ giao đất của hộ ông Hà Mạnh H có đầy đủ thủ tục theo quy định. Tuy nhiên, việc giao đất không đo đạc, cắm mốc giới tại thực địa nên không có căn cứ để xác định chính xác ranh giới thửa đất mà hộ ông H được giao. Mặt khác, theo biên bản giao đất tại thực địa, hiện trạng thửa đất của hộ ông H là đất trống. Nếu đủ căn cứ xác định hộ ông Đ đã sử dụng phần đất có tranh chấp với hộ ông H từ trước khi ông H được giao đất thì đề nghị Tòa án xem xét lại việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Thanh Sơn, tỉnh Vĩnh Phú (nay là huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ) cho hộ ông H.

- *Đại diện hạt kiểm lâm huyện Tân Sơn trình bày:* Về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Hà Mạnh H Hạt kiểm lâm không còn lưu trữ, nguyên nhân là do tách huyện không được đơn vị cũ bàn giao, về phần mền bản đồ giao đất theo hồ sơ cấp GCNQSDĐ Hạt kiểm lâm không có căn cứ để xác định chính xác.

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn gồm bà Hoàng Thị H2, anh Hà Tiến M, anh Hà Văn C1* đều ủy quyền cho ông H tham gia tố tụng, đồng ý với quan điểm của ông H đưa ra.

- *Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn:*

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 02/3/2021, ông Hà Văn Nh trình bày: Trước năm 1983, bố mẹ vợ ông đã canh tác Lúa nương tại khu vực đồi Suối Bông, sau năm 1983, cho vợ chồng ông sử dụng. Năm 1997, gia đình ông đã liên doanh trồng cây với Công ty lâm nghiệp Tam Sơn, đến năm 2005, UBND xã Thu Cúc thông báo cho gia đình biết việc ông H yêu cầu trả lại đất, UBND xã Thu Cúc có báo vài lần đến các bên để hòa giải, nhưng không thành, ông vẫn tiếp tục sử dụng phần đất này. Năm 2011, ông và vợ già yếu nên đã giao lại cho anh Hà Văn Đ quản lý, sử dụng.

Những người khác gồm: Bà Hoàng Thị Q (mẹ anh Đ), chị Hoàng Thị Ch (vợ anh Đ), anh Hà Quốc T, chị Hà Thị M1 (em ruột anh Đ) đã ủy quyền toàn bộ cho anh Đ tham gia tố tụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ:

Căn cứ Điều 166, Điều 170, Điều 179, Điều 203 Luật đất đai năm 1993; Điều 34, Điều 92, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 41, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 32 Luật tố tụng hành chính; Điều 13, Điều

14 Nghị định số 02/1994/NĐ-CP ngày 15/1/1994 về giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình và cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí; Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hà Mạnh H (Hà Xuân H) về việc buộc gia đình anh Hà Văn Đ phải trả lại diện tích đất lâm nghiệp là 2ha tại Suối Bông, xã Thu Cúc, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Hủy Quyết định về việc “Giao rừng và đất lâm nghiệp cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp”, Quyết định không ghi số, không đề ngày, tháng, năm ban hành của UBND huyện Thanh Sơn, tỉnh Vĩnh Phú (huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ) đã cấp cho ông Hà Mạnh H (Hà Xuân H).

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 393873, thửa 40; tờ bản đồ số F48.102, diện tích 4,5 ha, thời hạn sử dụng 50 năm, mục đích: Nuôi trồng rừng, do UBND huyện Thanh Sơn cấp cho hộ ông Hà Mạnh H (Hà Xuân H) ngày 30/7/1996.

Yêu cầu UBND huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cho hộ ông Hà Mạnh H (Hà Xuân H) theo hiện trạng thực tế mà gia đình ông đang sử dụng.

Hộ anh Hà Văn Đ có trách nhiệm hoàn tất thủ tục hồ sơ giao đất lâm nghiệp và đề nghị cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với thực tế mà gia đình anh đang sử dụng.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/10/2021, nguyên đơn là ông Hà Mạnh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Hà Mạnh H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông H và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Ngày 26/4/1995 ông H làm đơn xin nhận 4,5 ha đất tại đồi Suối Bông; UBND xã Thu Cúc lập hồ sơ và UBND huyện Thanh Sơn, tỉnh Vĩnh Phú (nay là huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ) đã ra Quyết định giao đất và ngày 30/7/1996, UBND huyện Thanh Sơn đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 393873, thửa đất số 40; tờ bản đồ số F48.102, diện tích 4,5ha cho hộ ông H tại đồi Suối Bông, thuộc xóm Giác (nay là khu Trung Tâm 2), xã Thu Cúc, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ; mục đích: Nuôi trồng rừng. Sau khi được giao đất, hộ gia đình ông H trồng cây Keo, Bò đề với diện tích khoảng 2ha. Hộ ông Nh vẫn trồng Lúa và ở trại tại đó, đến năm 1997, hộ ông Nh phát dọn thực bì vào diện tích đất ông chưa làm để trồng cây liên doanh với Lâm trường Tam Sơn (nay là

Công ty lâm nghiệp Tam Sơn). Ông H đã thông báo với ông Nh là phần đất này ông đã được giao quyền sử dụng đất, đồng thời yêu cầu ông Nh trả lại đất nhưng ông Nh không trả mà tiếp tục liên doanh từ năm 1997-2004. Nay ông H kháng cáo yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc hộ anh Hà Văn Đ phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình ông cụ thể là 2ha (20.000m²); tài sản trên đất, đề nghị hộ ông Đ thu hoạch cây cối trả lại đất cho ông; không nhất trí hủy Quyết định về việc giao rừng và đất lâm nghiệp cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Bị đơn anh Hà Văn Đ trình bày: Về diện tích đất ông H đang tranh chấp với gia đình anh, trước năm 1983, bố mẹ anh đã làm lán trại, canh tác hoa màu, cây lâm nghiệp tại khu vực đồi Suối Bông thuộc khu Giác xã Thu Cúc. Từ năm 1997 đến năm 2012, bố mẹ anh liên doanh trồng cây Keo với Công ty lâm nghiệp Tam Sơn đã khai thác được 02 chu kỳ trên phần diện tích khoảng hơn 1ha, phần còn lại gia đình anh chăm sóc cây bản địa, trồng Cọ, Vầu và trồng lúa, màu. Năm 2011, bố mẹ anh già yếu đã giao lại toàn bộ cho vợ chồng anh. Anh Đ không đồng ý trả lại đất cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm:

Về tố tụng: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Quá trình tham gia tố tụng của các đương sự, quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; không chấp nhận kháng cáo của ông Hà Mạnh H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Ông Hà Mạnh H là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Hà Mạnh H nộp trong thời hạn và đúng với quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên hợp lệ, được Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[1.2] Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, thời hiệu khởi kiện, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết là đúng pháp luật.

[1.3] Về việc vắng mặt của các đương sự anh Hà Văn C1, chị Hoàng Thị Ch, ông Hà Văn Nh, bà Hoàng Thị Q, chị Hà Thị M1, đại diện UBND huyện Tân Sơn, đại diện UBND xã Thu Cúc, đại diện Hạt kiểm lâm huyện Tân Sơn, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của ông Hà Mạnh H (Hà Xuân H) yêu cầu buộc hộ anh Hà Văn Đ phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình ông cụ thể là 2ha (20.000m²) tại Suối Bông, xã Thu Cúc, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ; Tài sản trên đất, đề nghị hộ ông Đ thu hoạch cây cối trả lại đất cho ông; không nhất trí hủy Quyết định về việc “Giao rừng và đất lâm nghiệp cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp” và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thấy:

[2.1] Về nguồn gốc diện tích đất 2ha (20.000m²) tại Suối Bông, xã Thu Cúc, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ, mà các bên đang tranh chấp là của Nhà nước sau đó khoảng trước năm 1983, hộ gia đình ông Nh làm lán trại, canh tác hoa màu, cây lâm nghiệp tại khu vực đồi Suối Bông thuộc khu Giác, xã Thu Cúc. Từ năm 1997 đến năm 2012, hộ ông Nh phát dọn thực bì vào diện tích đất ông chưa làm để trồng cây liên doanh với Lâm trường Tam Sơn (nay là Công ty lâm nghiệp Tam Sơn) đã khai thác được 02 chu kỳ trên phần diện tích khoảng hơn 1ha, phần còn lại gia đình anh chăm sóc cây bản địa, trồng Cọ, Vầu và trồng lúa, màu. Năm 2011, ông Nh đã giao lại toàn bộ cho vợ chồng anh anh Đ sử dụng diện tích đất này. Điều này phù hợp với lời khai Công ty lâm nghiệp Tam Sơn; lời khai của những người làm chứng như ông Phúc, ông Chõn, ông Biết.

[2.2] Ngày 26/4/1995 ông Hà Mạnh H có đơn xin nhận đất tại đồi Suối Bông, thuộc khu Giác, xã Thu Cúc, huyện Thanh Sơn, tỉnh Vĩnh Phú; UBND xã Thu Cúc lập hồ sơ, UBND huyện Thanh Sơn ra Quyết định giao đất cho hộ gia đình, ngày 30/7/1996 hộ gia đình ông được cấp GCNQSDĐ số I 393873, thửa 40; tờ bản đồ số F48.102, diện tích 4,5 ha, thời hạn sử dụng: 50 năm, mục đích: Nuôi trồng rừng. Như vậy, toàn bộ 4,5 ha ông H xin nhận có nguồn gốc từ việc Nhà nước giao đất cho hộ gia đình sử dụng vào mục đích sản xuất cây lâm nghiệp, có tiến trình lịch sử sử dụng bắt đầu từ năm 1996. Sau khi được giao đất, hộ gia đình ông H trồng cây Keo, Bò đề với diện tích khoảng 2ha. Ông H đã thông báo với ông Nh, nay là anh H là phần đất này ông đã được giao quyền sử dụng đất, đồng thời yêu cầu trả lại đất nhưng ông Nh, anh H không trả mà tiếp tục liên doanh từ năm 1997 đến nay.

[2.3] Căn cứ vào kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thì hộ anh Đ đang sử dụng 2,7ha; hộ ông H đang sử dụng 2,4ha. Các hộ giáp ranh đều thừa nhận ranh giới đất đã được xác định từ khi sử dụng đất; không ai có tranh chấp. Trên đất, hiện ông H trồng cây Keo, Bò đề ở tuổi thứ 4 (bốn) năm; phần anh Đ đang sử dụng được tách ra làm 02 khu riêng biệt, khoảng 1,5 ha trồng Vầu, Cọ, Bương,

Tre, ngoài ra còn có 02 cây Mít chu vi gốc 140cm, 02 cây chu vi gốc 100cm; khoảng 1,2ha còn lại là trồng cây Keo, cây Bồ đề. Bên cạnh đó, tại Biên bản kiểm tra hiện trạng ngày 19/11/2013 của UBND xã Thu Cúc khi giải quyết tranh chấp giữa hộ ông Nh với hộ ông H đã ghi nhận: Phần đất hộ ông Nh (anh Đ) sử dụng có 01 lán trại. Để có thêm căn cứ xác định thời gian sử dụng đất, Tòa án đã phối hợp với UBND xã Thu Cúc, Hạt kiểm lâm huyện Tân Sơn xác định tuổi cây trồng trên đất, trong đó có 4 cây mít có tuổi đời lâu năm.

[2.4] Đại diện phòng Tài nguyên Môi trường huyện Tân Sơn và Hạt kiểm lâm huyện Tân Sơn xác định: Khi giao đất cho hộ ông H không đo đạc, cắm mốc tại thực địa, không có tọa độ nên không xác định chính xác ranh giới thửa đất mà hộ ông H được giao. Mặt khác, theo biên bản giao đất tại thực địa, hiện trạng thửa đất của hộ ông H là đất trống. Căn cứ vào các điểm giông, khe và đường đồng mức, đại diện hai cơ quan chỉ đối chiếu được tương đối giữa hiện trạng sử dụng đất và bản đồ giao đất. Theo bản đồ giao đất thửa số 40 có diện tích 5,13ha: Một phần đất mà hiện ông H đang sử dụng đã lấn vào phần đất hộ ông Biết đang sử dụng là 10027,7m²; vào phần đất đất hộ ông Nh (anh Đ) đã sử dụng là 14964,3m²; lấn vào phần đất hộ ông Phúc (bố là ông Hoàng Ngọc Riển) là 3537,6m². Hồ sơ giao đất lâm nghiệp, Giấy CNQSDĐ của hộ ông Biết, hộ ông Riển và hộ ông H được UBND xã Thu Cúc lập và sau đó UBND huyện Thanh Sơn cấp cùng ngày, cùng tháng, cùng năm; từ khi nguyên đơn được cấp GCNQSDĐ, hai hộ đã sử dụng đất theo ranh giới như hiện nay và không có tranh chấp với các hộ giáp danh việc sử dụng đất, ranh giới đất.

[2.5] Quyết định giao đất không có ngày, tháng, năm ban hành; Biên bản giao nhận đất lâm nghiệp tại thực địa và Quyết định giao đất thể hiện khi giao cho ông H là đất trống; diện tích 4,5ha, mục đích sử dụng đất là Kinh doanh lâm nghiệp. Nhưng thực tế, trong phần đất được giao theo Quyết định của UBND huyện cho hộ ông H có: hộ ông Biết đang sử dụng ổn định không có tranh chấp diện tích là 10027,7m²; hộ ông Nh (anh Đ) đã sử dụng là 14964,3m²; hộ ông Phúc đang sử dụng ổn định, không có tranh chấp là 3537,6m². Sau khi cơ quan chuyên môn xác định thì diện tích theo bản đồ giao đất là 5,1ha; diện tích theo GCNQSDĐ là 4,5ha.

Như vậy, tại thời điểm giao đất, cấp GCNQSDĐ cho hộ ông H đã không thực hiện đúng trình tự, thủ tục, nội dung ban hành, cũng như quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 02/NĐ-CP ngày 15/01/1994 của Chính phủ ban hành bản quy định về việc giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp thì “*đất được giao phải cắm mốc trên thực địa, đánh dấu vị trí trên bản đồ và tính được diện tích*”, nên dẫn đến việc giao đất trên thực địa không được cắm mốc giới, đánh dấu trên bản đồ và tính diện tích đất không đúng, dẫn đến chồng, lấn vào một phần đất của hộ gia đình anh Đ và những hộ giáp ranh, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp

của những hộ này. Điều này phù hợp lời khai của ông Đoàn Viết Tiên, nguyên cán bộ địa chính, đồng thời là một trong những người trong đoàn giao đất cho hộ ông H, xác nhận việc giao đất trên thực tế, không đo đạc, không cắm mốc cụ thể, chỉ giao theo bản đồ. Khi giao đất cho hộ ông H, hộ ông Nh đã canh tác, sử dụng một phần trong khu vực đất này. Mặt khác, đại diện UBND xã Thu Cúc, đại diện Phòng Tài nguyên Môi trường huyện Tân Sơn có quan điểm hiện nay thực trạng trên địa bàn xã Thu Cúc nói riêng và toàn huyện Tân Sơn nói chung phổ biến tình trạng khi giao đất không đối chiếu với thực địa, giao đất vào vị trí các hộ đã canh tác từ trước, tương tự như vụ án này nếu Tòa án xử chấp nhận buộc trả lại đất sẽ kéo theo hàng loạt các vụ án, gây mất ổn định an ninh, chính trị tại địa phương.

[2.6] Từ những phân tích tại các mục từ [2.1 đến 2.5] nêu trên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hà Mạnh H buộc hộ anh Hà Văn Đ phải trả lại diện tích đất đã lấn chiếm của gia đình ông cụ thể là 2ha (20.000m²) tại Suối Bông, xã Thu Cúc, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ; Tài sản trên đất, đề nghị hộ ông Đ thu hoạch cây cối trả lại đất cho ông; không nhất trí hủy Quyết định về việc “Giao rừng và đất lâm nghiệp cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp”, Quyết định không ghi số, không đề ngày, tháng, năm ban hành của UBND huyện Thanh Sơn, tỉnh Vĩnh Phú (nay là huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ) đã cấp cho ông H Mạnh H (Hà Xuân H); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 393873, thửa 40; tờ bản đồ số F48.102, diện tích 4,5 ha, thời hạn sử dụng 50 năm, mục đích: Nuôi trồng rừng, do UBND huyện Thanh Sơn cấp cho hộ ông Hà Mạnh H (Hà Xuân H) ngày 30/7/1996.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Hà Mạnh H phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng ông Hà Mạnh H là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Hà Mạnh H (Hà Xuân H); Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2021/DS-ST ngày 22/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông H Mạnh H.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Hùng

Ngô Tự Học

Phạm Việt Hà